TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

2. Ông Cao Văn Chuộng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 37A/2023/QĐST-HN ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh V. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Lý Thanh L1

Địa chỉ: ấp T, xã TL, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Chị và anh Lý Thanh L1 chung sống với năm vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 06/01/2021. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do mỗi người có quan điểm sống khác nhau, không ai nhường nhịn nên mâu thuẫn ngày trầm trọng và đã sống L thân từ khoảng tháng 9/2022. Nay chị nhận thấy không

thể tiếp tục chung sống với anh L1 nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị và anh L1 có 01 con chung tên Lý Nhã U, giới tính: Nữ, sinh ngày 25/11/2020, chị có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Lý Thanh L1 quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Nguyễn Thị Trúc L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Lý Thanh L1 tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Lý Thanh L1, hiện tại có nơi cư trú ấp T, xã TL, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt. Anh Lý Thanh L1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và L1 chung sống với nhau từ năm 2018, đến năm 2022 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CTA, tỉnh H nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị L yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng anh L1 không tham dự. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình

hạnh phúc nhưng chị L và anh L1 chung sống phát sinh mâu thuẫn lại không tạo điều kiện để hàn gắn và đã sống L thân từ tháng 9/2022 cho đến nay thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, chị L kiên quyết yêu cầu được L hôn nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Trúc L được L hôn với anh Lý Thanh L1.

[2]. Về con chung: Chị L và anh L1 sống với nhau có 01 con chung tên Lý Nhã U, giới tính: Nữ, sinh ngày 25/11/2020. Chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, anh L1 biết chị L yêu cầu được nuôi con những vẫn không thể hiện ý kiến gì. Xét thấy hiện tại cháu U mới hơn 30 tháng tuổi, căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Lý Nhã U cho chị Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh L1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Lý Thanh L1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lý Nhã U, giới tính: Nữ, sinh ngày 25/11/2020 cho chị Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lý Thanh L1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh Lý Thanh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0012405 ngày 02/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị L không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Lý Thanh L1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã T
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn